TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Minh
2. Bà Dương Thị Thu Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* không tham gia.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 668/2017/TB-TLVA ngày 08 tháng 11 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Bạch H, sinh năm 1993
Địa chỉ: ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị H có mặt, anh V có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 06 tháng 10 năm 2017 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bạch H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng V tự nguyện chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V thay đổi tính

tình có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác về nhà gây gỗ, cãi vả khiến cho hôn nhân không có hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N sinh ngày 20/3/2010. Hiện cháu N đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Tại Bản khai ngày 30 tháng 11 năm 2017, bị đơn anh Nguyễn Hoàng V trình bày:

Về hôn nhân: Anh quen biết và xác lập quan hệ vợ chồng với chị Trần Thị Bạch H vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên cãi vả và đã sống ly thân với chị H từ đó cho đến nay. Nay, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: có 01 con chung như chị H trình bày. Nay, anh đồng ý giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Hoàng V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất với nhau như sau: Chị Trần Thị Bạch H và anh Nguyễn Hoàng V tự nguyện chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 quyển số 01 ngày 10/4/2012. Chị H và anh V chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N sinh ngày 20/3/2010, không có tài sản chung, nợ chung. Chị H và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên cãi vả với chị H. Chị H đã bỏ về

nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2014 và sống ly thân với anh V từ đó cho đến nay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bạch H và anh Nguyễn Hoàng V là hợp pháp. Xét thấy, giữa chị H và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, anh V đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng không chung thủy theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị Trần Thị Bạch H và anh Nguyễn Hoàng V cùng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn và thời gian sống ly thân đã lâu, cả hai cùng thuận tình ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3.2] Về con chung: Chị Trần Thị Bạch H và anh Nguyễn Hoàng V thống nhất giao con chung tên Nguyễn Hoàng N sinh ngày 20/3/2010 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ trước đến nay, chị H là người trực tiếp chăm lo sinh hoạt, học tập cho cháu N và cháu N có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của cháu N và có xem xét nguyện vọng của cháu N nên yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H là người trực tiếp nuôi con, có đủ điều kiện để nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Bạch H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bạch H.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Bạch H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng N sinh ngày 20/3/2010 cho chị Trần Thị Bạch H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hoàng V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Bạch H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Trần Thị Bạch H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 26550 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND HCT;
- THADS HCT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Trúc